TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn Minh
Ông Trần Xuân Trường

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Kiều Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Văn H SN 1992
Địa chỉ: Khu Đ2, xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy T SN 1987
Địa chỉ: Khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà Phạm Thị Thắm – Trợ giúp viên pháp lý.

Cơ quan công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Anh H, bà Thắm có mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn, anh Phùng Văn H trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu được 02 tháng, sau đó cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ vào ngày 26/02/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, không chung quan điểm về cách sống, sống với

nhau không có tình cảm, không thấy hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần xong không thành. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay đã 03 năm. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, anh H đề nghị xử cho anh được ly hôn chị T.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 (một) con chung: Cháu gái tên là Phùng Thị Ánh D, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay cháu còn nhỏ và đang ở với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng của anh, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh H không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 22/01/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy T trình bày: Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì đi làm ăn xa nên không về để tham gia giải quyết vụ án được.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn là đúng. Sau cưới tình cảm vợ chồng rất tốt, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do mẹ chồng kích động chia rẽ, không để vợ chồng ổn định làm ăn khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng muốn hàn gắn tình cảm và chuyển về quê chồng sinh sống cùng mẹ chồng thì thường xuyên có người đến đòi nợ mẹ chồng chị và yêu cầu chị phải trả nợ thay nhưng vì bận nuôi con nhỏ lại không có tiền nên anh H đã đi làm và liên lạc với người yêu cũ tại Lai Châu và lén lút quan hệ với nhau đẻ thêm 01 người con gái. Nay anh H đề nghị ly hôn chị, chị nhất trí.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung: Cháu gái tên là Phùng Thị Ánh D, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay cháu còn nhỏ và đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Chị T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/01/2020 chị T có đơn trình bày nội dung: Chị phải đi làm công nhân tại tỉnh Hải Dương, thu nhập 13 triệu đồng/tháng, nên chị không về để giải quyết được và chị đã có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Tại công văn số 07/CV-UBND, ngày 10/02/2020 của UBND xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ đã trả lời nội dung xác minh: Anh Phùng Văn H luôn chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm pháp luật, các quy định của địa phương. Không có sự việc anh H đang chung sống và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác ở Lai Châu và đã đẻ 01 người con gái như chị T đã trình bày.

4. Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, bà Thắm trình bày: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: 2 anh chị cưới có đăng ký kết hôn theo pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H và chị T ly hôn là phù hợp Luật hôn nhân và gia đình. Anh chị có 01 con chung, nay đã hơn 3 tuổi, đang ở với chị T, con chung là chỗ dựa tinh thần của chị T khi ly hôn. Do vậy đề nghị giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T

là không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết các mối quan hệ khác cần chấp nhận.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, mặc dù thông báo thụ lý vụ án gửi đến Viện kiểm sát muộn. Tại phiên tòa thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Anh H và chị T cưới có đăng ký kết hôn, là vợ chồng từ năm 2016. Trong quá trình chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Hai bên đã ly thân 03 năm đến nay, hiện nay anh H có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn chị T. Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Phùng Thị Ánh D, sinh ngày 18/10/2016 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh H và chị T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí ly hôn, anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Anh Phùng Văn H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy T. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đối với chị T. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 26/02/2016, anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị Thúy T cưới, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, không có lập trường quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đến ngày 24/9/2018 chị T đã có đơn xin ly hôn anh H và đề nghị Tòa án nhân dân

huyện TS, tỉnh Phú Thọ giải quyết, sau đó đến ngày 21/11/2018 chị T lại rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án (Bút lục số 34). Bên cạnh đó, UBND xã T cũng đã có văn bản trả lời xác minh nội dung là không có việc anh H ngoại tình và có con riêng (Bút lục số 33). Từ đó cần xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T xuất phát từ cả 2 phía, đến nay không thể dung hòa được. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh H và chị T có 01 (một) con chung là Phùng Thị Ánh D, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay cháu còn nhỏ và đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh H và chị T xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh H là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị Thúy T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56,57,58, khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: [1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Phùng Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy T.

[2] *Về con chung:* Xác nhận anh chị có 01 (một) con chung là Phùng Thị Ánh D, sinh ngày 18/10/2016. Giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Anh H và chị T xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh Phùng Văn H phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh H đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng)

theo Biên lai số AA/2018/0001273 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bán án được niêm yết nơi đương sự cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vào số hộ tịch);
- Các đương sự;
- TGVPL;
- Lưu: HS, VP (09b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh